CTCP Tập đoàn Thiên Quang (HNX: ITQ)

FireAnt

Ngày 28/06/2024	2,900 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-6.5%	**-6.5%**	**7.4%**

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	2,400 - 3,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	92
Số lượng CPLH (CP)	31,843,305
KLGD BQ 20 phiên (CP)	176,095
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	1.25
EPS	38
P/E	76.0

Tỷ suất lợi nhuận

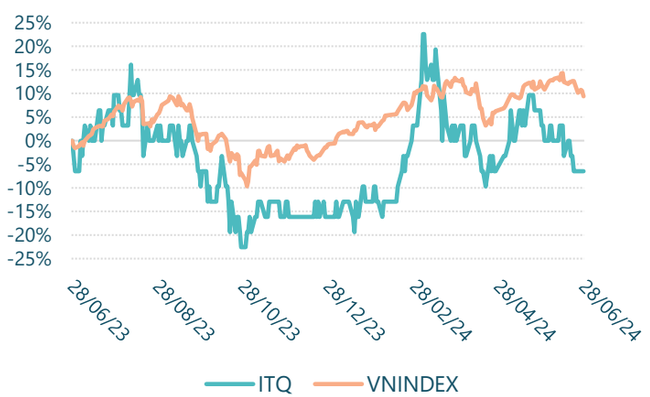

Doanh thu thuần

Q2/24

140

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 18.0 | 15.0%

YoY: ▼5.00 | -3.2%

Nợ/VCSH

Q2/24

55.1%

YoY: +/-▲ 1.2%

LN gộp

Q2/24

9.72

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.42 | 54.4%

YoY: ▲ 1.77 | 22.3%

ROE (TTM)

Q2/24

0.4%

YoY: +/-▼ 0.1%

LN trước thuế

Q2/24

0.13

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.23 | -64.0%

YoY: ▼0.47 | -78.4%

ROA (TTM)

Q2/24

0.2%

YoY: +/-▼ 0.1%

Kết quả kinh doanh Q2/24

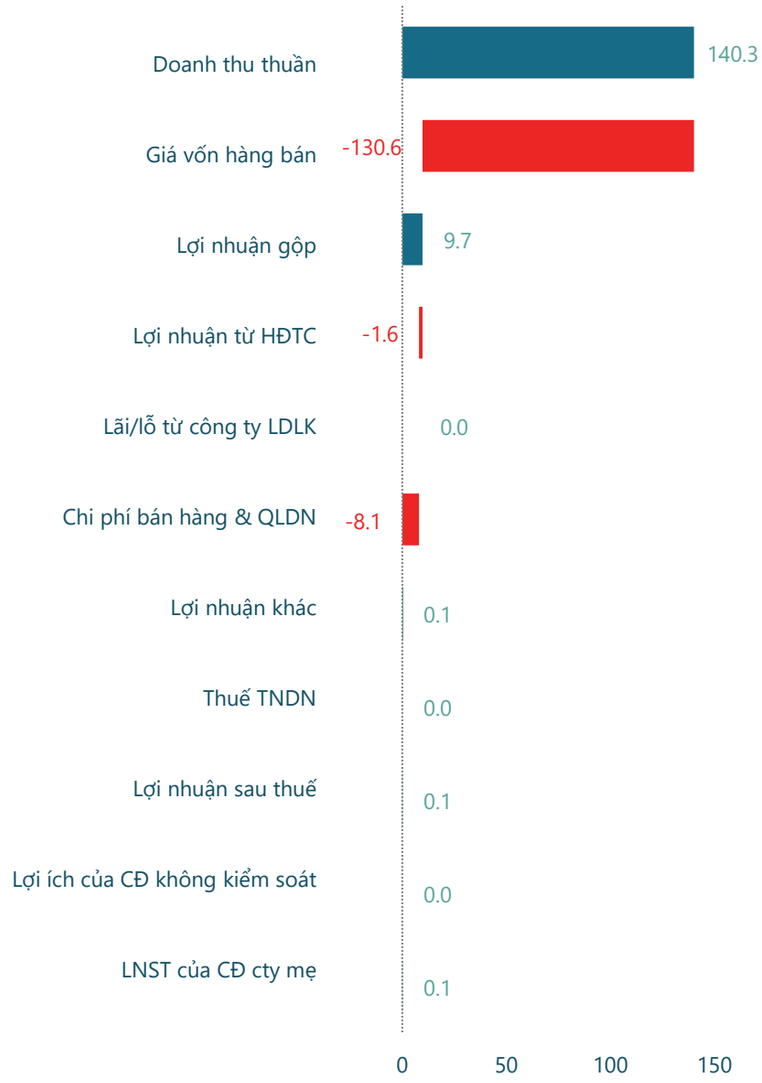

CTCP Tập đoàn Thiên Quang (HNX: ITQ)

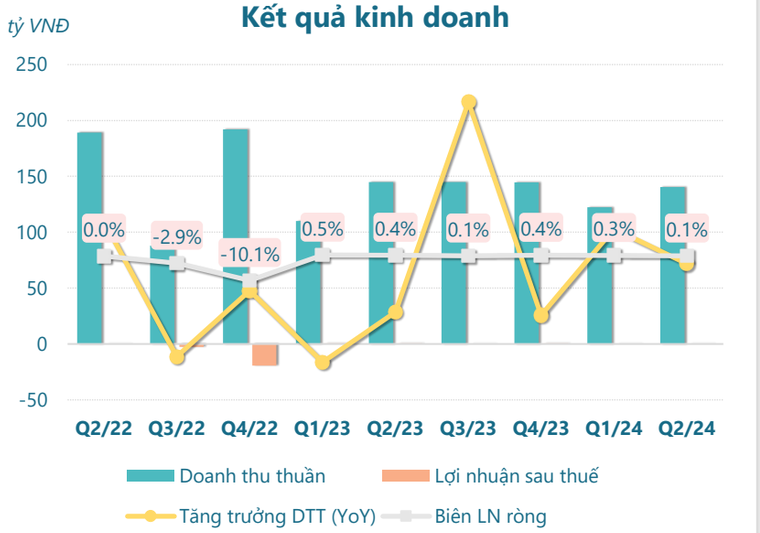

Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **bằng 0** giảm đi 100.0% so với kỳ trước và thấp hơn 100.0% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lỗ 1.64 tỷ đồng** tăng thêm 0.07 tỷ đồng so với kỳ trước và tăng thêm 1.02 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lãi 0.13 tỷ đồng**, tăng thêm 18.2% so với kỳ trước và cao hơn 117% so với cùng kỳ năm trước.

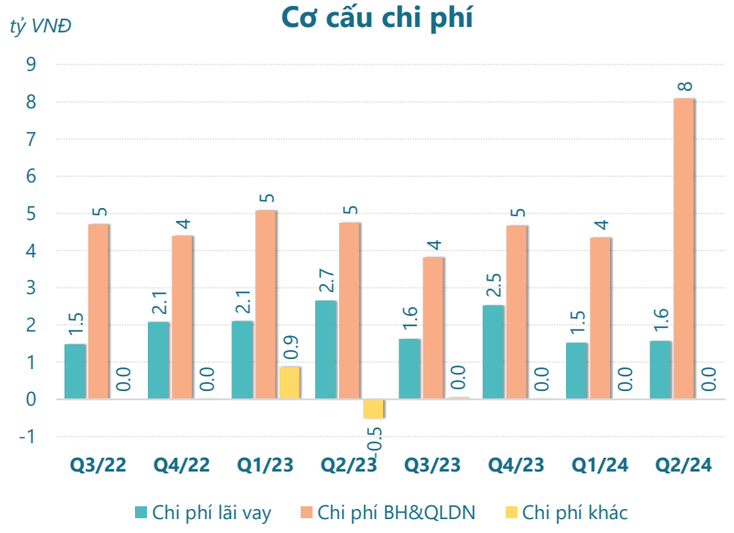

Kết quả kinh doanh của **ITQ** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **140.3 tỷ đồng** giảm đi **3.22%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 0.13 tỷ đồng**, **giảm sút 78.3%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **263.0 tỷ đồng** cao hơn 3.14% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế bằng 0 thấp hơn 100.0% so với cùng kỳ năm trước.

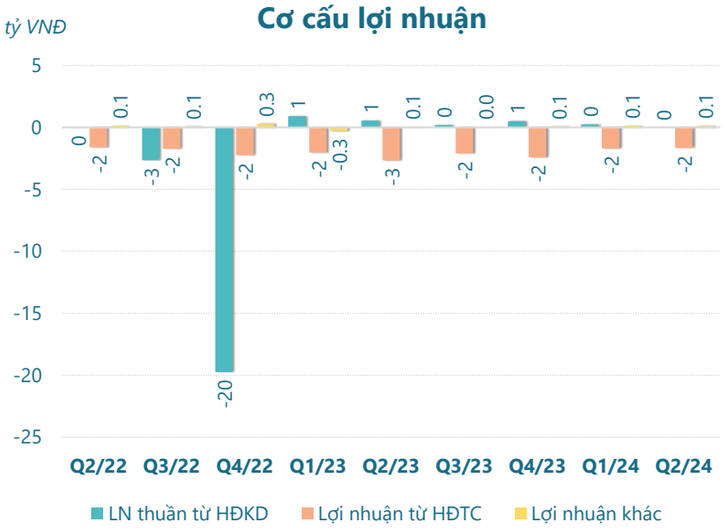

Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **1.57 tỷ đồng** tăng thêm 3.29% so với kỳ trước và thấp hơn 40.8% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **8.08 tỷ đồng** tăng thêm 85.7% so với kỳ trước và cao hơn 70.5% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **0.00 tỷ đồng** không đổi so với kỳ trước và tăng thêm 0.51 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

CTCP Tập đoàn Thiên Quang (HNX: ITQ)

FireAnt

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**140**	**122**	**15.0%**	**145**	**-3.2%**	**263**	**255**	**3.1%**
Giá vốn hàng bán	131	116	12.6%	137	-4.7%	247	239	3.2%
Lợi nhuận gộp	9.72	6.30	54.4%	7.95	22.3%	16.0	16.0	0.4%
Doanh thu HĐTC	1.70	0.09	1787%	0.58	193%	1.78	0.69	158%
Chi phí TC	3.34	1.79	86.5%	3.24	3.0%	5.13	5.38	-4.6%
Chi phí lãi vay	1.57	1.52	3.2%	2.65	-40.8%	3.09	4.75	-35.1%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	2.69	2.05	31.4%	2.41	11.8%	4.75	4.71	0.8%
Chi phí QLDN	**5.39**	**2.30**	**134%**	**2.33**	**131%**	**7.68**	**5.11**	**50.2%**
LN thuần từ HĐKD	0.00	0.25	-99.1%	0.54	-99.6%	0.25	1.44	-82.7%
Lợi nhuận khác	**0.13**	**0.11**	**15.7%**	**0.06**	**112%**	**0.24**	**-0.21**	**216%**
LN trước thuế	0.13	0.36	-64.0%	0.60	-78.4%	0.49	1.24	-60.2%
Lợi nhuận sau thuế	**0.13**	**0.36**	**-64.0%**	**0.60**	**-78.4%**	**0.49**	**1.11**	**-55.7%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.13**	**0.36**	**-64.0%**	**0.60**	**-78.4%**	**0.49**	**1.11**	**-55.7%**

